

Bản án số:401/2025/HS-PT
Ngày 03 - 6 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán:

Ông Trần Ngọc Tuấn

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Tấn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 105/2025/TLPT-HS ngày 06 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo **Lê Thành D** do có kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2024/HS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thành D, tên gọi khác: Bi Nhỏ, sinh ngày 30/4/2004, tại tỉnh Long An. Nơi đăng ký thường trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An; chỗ ở: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1984; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/7/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Thành D: Bà Nguyễn Thị B, Luật sư – Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo: Ông Đỗ Ngọc L, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số B, đường L, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Ngoài ra, còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan không có kháng cáo không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập đến phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An và Bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Long An, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 24/7/2024, bị cáo Lê Thành D từ tỉnh An Giang đi về đến bến xe M, thuộc quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, bị cáo D thuê bị hại Đỗ Ngọc T1 là người hành nghề xe ôm, để chở bị cáo đi về huyện Đ, tỉnh Long An, với giá 200.000 đồng. Thực tế, bị cáo D chỉ còn số tiền 50.000 đồng. Ông T1 điều khiển xe mô tô loại Dream (do Trung Quốc sản xuất), biển số 51X2-4540 chở bị cáo D đi.

Trên đường đi, bị cáo D bảo ông T1 ghé vào quán cơm để ăn và nhờ ông T1 trả tiền giùm, khi về đến phòng trọ sẽ nhờ gia đình thanh toán lại, ông T1 đồng ý và đã trả tiền cơm là 50.000 đồng. Tiếp theo, bị cáo D chỉ đường cho ông T1 điều khiển xe chở đến quán cà phê do bà Trần Thị Đ làm chủ, thuộc xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, kế bên tiệm game bắn cá mà D làm thuê và bảo ông T1 đứng chờ. Bị cáo D đi vào bên trong, lấy ma túy đá ra sử dụng. Khoảng 15 phút sau, bị cáo D đi ra và bảo ông T1 chở về phòng trọ đang thuê ở. Đến nơi, bị cáo D mang ba lô quần áo vào phòng trọ cất và bảo ông T1 đứng ngoài đường chờ. Do mẹ ruột không có ở nhà, bị cáo D không xin tiền được để trả cho ông T1 nên bị cáo D không ra trả tiền. Ông T1 ở bên ngoài lớn tiếng, bảo bị cáo D trả tiền. Ông Trần Nhật T2 là chủ nhà trọ nghe thấy, nên đến phòng bảo bị cáo D ra trả tiền xe cho ông T1.

Lúc này, bị cáo D nảy sinh ý định tìm nơi vắng người nhằm giết chết ông T1 để chiếm đoạt xe. Bị cáo D lấy một con dao (có đặc điểm: dài 21,5cm, cán nhựa màu vàng có chữ KIWI, lưỡi dao kim loại dài 12cm; rộng 02cm và mũi nhọn) trong phòng trọ cất giấu vào trong lưng quần, bên hông phải và phủ áo che lại. Bị cáo D đi ra, bảo ông T1 điều khiển xe chở đi vòng quanh qua nhiều tuyến đường trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Long An.

Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo D bảo ông T1 điều khiển xe rẽ vào đường hẻm bên trái thuộc khu vực ấp M, xã M, huyện Đ để vào nhà bạn. Ông T1 điều khiển xe chạy vào khoảng 100m thì cuối hẻm nên quay xe ra. Đến đầu đường, bị cáo D bảo ông T1 điều khiển xe chạy vô đến ngã 3 rẽ phải, đến một căn nhà hoang và là hẻm cụt, nên ông T1 quay đầu xe lại hướng ra đầu hẻm. Khi ông T1 vừa định vô số để điều khiển xe đi, bị cáo D ngồi phía sau dùng tay phải lấy dao ra đâm theo hướng từ sau ra trước, từ phải qua trái vào hông phía sau lưng bên phải của ông T1, rồi rút dao ra nhảy xuống xe. Sau khi bị đâm, ông T1 vô số, tăng ga điều khiển xe về hướng đầu hẻm, chệch về lề trái một đoạn khoảng 05m và xe bị ngã sang bên phải. Bị cáo D chạy vào nhà hoang trốn, nhìn thấy ông T1 đứng dậy, đi qua bên lề phải đường truy hô “Cướp, cướp”. Bị cáo D chạy ra, đứng bên

vai trái ông T1, cách khoảng 50cm và dùng dao đâm theo hướng từ phải qua trái hơi chếch lên trên trúng vào lưng bên phải của ông T1 một cái, rồi rút dao ra. Ông T1 quay mặt đối diện với bị cáo D, rồi té ngã ngổ về sau. Bị cáo D đi vòng qua, đứng bên chân phải ông T1, cách khoảng 50cm và khom người xuống về phía ông T1 thì bị ông T1 dùng hai chân đạp về phía bị cáo D. Bị cáo D dùng tay trái gạt hai chân ông T1 ra và đâm theo hướng từ trên xuống, từ phải qua trái trúng vào vùng cổ của ông T1 một cái. Bị cáo D rút dao ra, liền bị ông T1 dùng hai tay cầm lấy phần lưỡi dao bẻ gãy tách rời phần cán dao. Bị cáo D cầm cán dao đi lùi về hướng đầu hẻm, rồi bỏ cán dao xuống đường. Ông T1 đứng dậy, cầm lưỡi dao đi về hướng bị cáo D, nên bị cáo D lấy nón bảo hiểm đội trên đầu ném về phía ông T1 nhưng không trúng và chạy ra đầu hẻm. Sau đó, bị cáo D quay trở vô, nhìn thấy ông T1 nằm gục đầu vào yên sau xe mô tô. Bị cáo D hỏi ông T1 “Chú có sao không để đưa đi bệnh viện”, ông T1 nói “mẹ mày”, sau đó nằm bất động. Bị cáo D dùng tay đẩy đầu ông T1 rời khỏi yên xe, rồi lấy xe nổ máy điều khiển chạy đến tiệm cầm đồ Đức T3, thuộc ấp M, xã M, huyện Đ gặp ông Nguyễn Đức H cầm xe với số tiền 1.000.000 đồng. Ông Hoàng T4 trước tiên lãi một tuần là 100.000 đồng và đưa cho bị cáo D số tiền 900.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 25/7/2024, bị cáo D đi đến gặp ông Lê Ngô Thanh T5 hành nghề chạy xe ôm để hỏi bán xe, nhưng ông T5 nói không có tiền. Ông T5 hỏi bị cáo D bán giá bao nhiêu, bị cáo D nói bán 2.000.000 đồng nhưng xe đang cầm tại tiệm cầm đồ. Ông T5 chở bị cáo D đến tiệm sửa xe của ông Hồ Quốc L1 hỏi bán xe, ông L1 đồng ý mua. Sau khi xem xe tại tiệm cầm đồ Đức T3, ông L1 đồng ý mua với giá 1.300.000 đồng và bị cáo D đồng ý bán. Ông L1 trả cho ông Nguyễn Văn M là nhân viên của tiệm cầm đồ tiền cầm xe 1.000.000 đồng và đưa cho bị cáo D số tiền 300.000 đồng. Bị cáo D trả tiền xe ôm cho ông T5 100.000 đồng, còn lại 200.000 đồng bị cáo D tiêu xài cá nhân.

Tại Kết luận Giám định pháp y về tử thi số: 532 ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: Tử thi nam giới không rõ danh tính (Qua điều tra xác định tử thi là Đỗ Ngọc T1, sinh 1964) như sau:

1. Các kết quả chính

- Vùng cổ bên trái có 01 vết thương (vết số 1) làm đứt tĩnh mạch cảnh ngoài bên phải, đứt tĩnh mạch Dới đòn phải, thủng đỉnh phổi phải.

- Vùng lưng có 02 vết thương:

- + Vết số 2 (vết thương thấu ngực) làm đứt bờ Dới đầu sau xương sườn số 6 bên phải, thủng khoảng liên sườn số 6 bên phải, đứt bó mạch liên sườn số 6 bên phải, thủng thùy Dới phổi phải.

- + Vết số 3 (vết thương thấu bụng) làm thủng da cơ bờ Dới xương sườn số 11 bên phải, tụ máu điểm bám cơ hoành và quanh cực trên thận phải, đứt cực trên thận phải, thủng mặt sau thùy phải của gan.

- Tràn máu khoang màng phổi phải khoảng 2000ml, tràn máu ổ bụng.

2. Kết luận

- Nguyên nhân chết: Do mất máu cấp do vết thương vùng cổ, lưng làm đứt tĩnh mạch cảnh ngoài bên phải và tĩnh mạch Dóit đòn phải, đứt bó mạch liên sườn số 6 bên phải, thủng đỉnh phổi phải, thùy Dóit phổi phải và thủng gan.

Tại Kết luận giám định độc chất số: 293 ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Trung tâm pháp y Thành phố H kết luận: Nồng độ Ethanol trong máu toàn phần của Lê Thành D gửi giám định là 0,02mg/100mL.

Tại Kết luận giám định độc chất số: 1020 ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Trung tâm pháp y Thành phố H kết luận: Mẫu máu của Lê Thành D có sự hiện diện của C (chất kích thích thần kinh trung ương yếu) và Methamphetamine (ma túy tổng hợp).

Tại Kết luận giám định ADN số: 3.189-2024 ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Trung tâm pháp y Thành phố H kết luận:

- ADN của nạn nhân nam có hiện diện trong vết màu nâu trên cán dao; dấu vết trên lưỡi dao; vết nâu mặt sau và mặt trước quần jean.

- Trong mẫu dấu vết trên móng tay của nạn nhân chỉ hiện diện ADN của chủ thể, không hiện diện ADN người khác.

- Nạn nhân nam là cha sinh học của Đỗ Ngọc L.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 4176 ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Long An, kết luận: Giá trị tài sản đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HUANGHE, màu nâu, biển số 51X2-4540, số khung HH100-010801811, số máy 50FMG3-10397109 (xe đã qua sử dụng) tại thời điểm ngày 24/7/2024 là 4.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số: 544 ngày 22/8/2024 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận:

- File video có tên “Điện thoại Vĩnh Phát 2 00p35s” trong đĩa DVD cần giám định (ký hiệu A1) không phát hiện cắt ghép, không phát hiện chỉnh sửa.

- File video có tên “camera trước nhà trọ 04p38s” trong đĩa DVD cần giám định (ký hiệu A2) không phát hiện cắt ghép, không phát hiện chỉnh sửa.

- File video có tên “Cầm đồ Đức T3 02p40s” trong đĩa DVD cần giám định (ký hiệu A3) không phát hiện cắt ghép, không phát hiện chỉnh sửa.

- File video có tên “Tuyệt Nhi giao 05p43s” trong đĩa DVD cần giám định (ký hiệu A4) không phát hiện cắt ghép, không phát hiện chỉnh sửa.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 đoạn kim loại mũi nhọn, có một bề lưỡi sắc, kích thước phần lưỡi dao dài 12cm, rộng 02cm; 01 đôi dép nhựa loại dép quai kẹp màu xanh đen; 01 nón lưỡi trai màu đỏ; 01 cán dao bằng nhựa màu vàng, có chữ "KIWI" dài 9,5cm, rộng 02cm; 01 nón bảo hiểm màu trắng; 01 nón bảo hiểm màu xanh; 01 giấy bán xe của cửa hàng xe máy D1 cho Đỗ Ngọc T1 01 xe mô tô biển số 51X2- 4540 (Bản chính - Lưu kèm hồ sơ vụ án); 01 áo thun ngắn tay màu đen ngắn tay, cổ tròn, trên ngực trái có hoa văn hình tròn màu trắng; 01 quần sort jean màu xanh; 01 nón lưỡi trai màu xanh; 01 hộp đồng cầm đồ của dịch vụ

cầm đồ Đức T3 (Bản chính); 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh tên CẦM ĐỒ ĐỨC TUẤN (Bản photo); 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự của cơ sở kinh doanh CẦM ĐỒ ĐỨC TUẤN (Bản photo); 01 hợp đồng ủy quyền ngày 28/9/2023 (Bản photo); 01 xe mô tô nhãn hiệu HUANGHE, màu nâu, biển số 51X2 – 4540.

Tại Bản cáo trạng số 89/CT-VKSLA-P2 ngày 15/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, đã truy tố bị cáo Lê Thành D về các tội “Giết người” và “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm e, n và q khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2024/HS-ST ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định :

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thành D P các tội “Giết người” và “Cướp tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ: Các điểm e, n và q khoản 1 Điều 123; điểm e khoản 1 Điều 52; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 40 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thành D tử hình về tội “Giết người”.

2.2. Căn cứ: Khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thành D 04 (B1) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

2.3. Căn cứ: Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Lê Thành D phải chấp hành hình phạt chung là tử hình.

3. Căn cứ: Khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021, tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Thành D để đảm bảo việc thi hành án.

4. Trong thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Lê Thành D được quyền gửi đơn đến Chủ tịch N để xin ân giảm án tử hình.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Ngày 31/12/2024, bị cáo Lê Thành D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 26/12/2024, đại diện hợp pháp của người bị hại Đỗ Ngọc T1 là ông Đỗ Ngọc L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Thành D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Thành D vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có ông nội là anh hùng lực lượng vũ trang; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho gia đình bị hại, được gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình

phạt cho bị cáo; bị cáo là lao động chính, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn; trước khi phạm tội chưa có tiền án, tiền sự.

- Đại diện hợp pháp của bị hại vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Thành D với lý do: Gia đình bị cáo và gia đình bị hại đã thương lượng được với nhau về việc bồi thường thiệt hại như ma chay, tổn thất tinh thần. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã ăn năn, hối cải, nhận thức được hành vi của mình, gia đình bị cáo neo đơn. Mặt khác, bị hại bình thường cũng nóng tính, đã đòi nợ ai là đòi đến cùng.

Tại phần tranh luận:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Đối với tội “Giết người”: Bị cáo phạm 03 tình tiết định khung hình phạt là phạm tội có tính chất côn đồ; giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; vì động cơ đê hèn. Bị cáo phạm tội rất dã man, phạm tội đến cùng, xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thành D đã gây ra, thấy rằng Bản án sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo Lê Thành D tử hình về tội “Giết người” theo điểm e, n và q khoản 1 Điều 123 và tuyên phạt bị cáo D 04 (B1) năm tù về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Lê Thành D phải chấp hành hình phạt chung là tử hình là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và đã đánh giá đầy đủ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cũng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày tranh luận:

Bị cáo D có sử dụng chất kích thích dẫn đến hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Ông L là con của bị hại cũng có trình bày tại phiên tòa là bị hại hay nóng nảy, đã đòi nợ ai là đòi đến cùng. Gia đình bị cáo D có ông nội là người có công với Cách M1; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho phía gia đình bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại cũng kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thành D và đại diện hợp pháp của bị hại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/12/2024 bị cáo D kháng cáo và ngày 26/12/2024 đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của bị cáo D và đại diện hợp pháp của bị hại trong hạn luật định nên được thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm, quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thành D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của Cáo trạng và bản án sơ thẩm. Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Thành D tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm; phù hợp với lời khai của đại diện người bị hại; lời khai của người liên quan; người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ án; Biên bản thu giữ vật chứng; các Kết luận cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định như sau:

[2.1]. Tối ngày 24/7/2024, Lê Thành D thuê ông Đỗ Ngọc T1 hành nghề xe ôm, điều khiển xe mô tô biển số 51X2 – 4540 chở bị cáo đi từ Bến xe M quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đi về nhà trọ tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Trên đường đi, bị cáo D đã có sử dụng trái phép chất ma túy và bị bị hại hối thúc trả tiền nhiều lần. Bị cáo D nảy sinh ý định giết chết ông T1 để chiếm đoạt xe mô tô của ông T1. Nên đã chuẩn bị sẵn 01 con dao bằng kim loại, giấu trong người, rồi bảo ông T1 tiếp tục điều khiển xe chở đi để tìm người thân mượn tiền để trả cho ông T1, nhằm làm cho ông T1 tin tưởng, nhưng thực tế tìm nơi vắng người để nhằm giết chết ông T1. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, tại đoạn đường thuộc khu vực ấp M, xã M, huyện Đ, bị cáo D đã dùng dao mang theo đâm nhiều cái, nhiều lần vào người ông T1, cho đến đi ông T1 không còn chống cự lại được thì bị cáo đã chiếm đoạt xe mô tô biển số 51X2 - 4540 của ông T1 điều khiển mang đi cầm cố với số tiền 1.000.000 đồng. Hậu quả, làm ông T1 tử vong ngay sau đó.

[2.2]. Các hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo Lê Thành D đã cấu thành tội “Giết người” với 03 tình tiết định khung hình phạt là “Phạm tội có tính chất côn đồ”; “Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng” và “Vì động cơ đê hèn”, được quy định tại các điểm e, n và q khoản 1 Điều 123 và tội “Cướp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). như cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo cũng đồng ý với tội danh và khung hình phạt đối với cả hai tội “Giết người” và “Cướp tài sản như bản án sơ thẩm đã xét xử, không kháng cáo về phần này.

[2.3]. Hành vi phạm tội của bị cáo D là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp tước đi mạng sống của người bị hại và xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất mát, đau thương cho gia đình người bị hại không có gì để bù đắp lại được, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm trọng xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật trong việc răn đe phòng ngừa chung.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của đại diện hợp pháp người bị hại đề nghị giảm nhẹ mức hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1]. Bị cáo Lê Thành D có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Đối với tội “Giết người”: Bị cáo cố tình thực hiện tội phạm đến cùng, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Đối với tội “Cướp tài sản”: Bị cáo D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Thành D có các tình tiết giảm nhẹ như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho đại diện người bị hại; có hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo phạm tội lần đầu; chưa có tiền án, tiền sự; đại diện người bị hại xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có người thân là người có công với Cách M1; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi được. Đây là các tình tiết giảm trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3.3]. Xét thấy, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo nêu trên đã được Toà án cấp sơ thẩm đánh giá, áp dụng đầy đủ. Tại cấp phúc thẩm bị cáo và bị hại cùng kháng cáo xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nhưng cũng không cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới. Xét tính chất, mức độ của hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng so với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như phân tích trên. Do đó, không có đủ căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bản án sơ thẩm đã áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc nhất đối với bị cáo D là tử hình là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đúng qui định của pháp luật.

Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thành D, kháng cáo của đại diện hợp pháp bị hại và đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo về việc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thành D và kháng cáo của ông Đỗ Ngọc L là đại diện hợp pháp của bị hại, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2024/HS-ST ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

1.1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thành D phạm các tội “Giết người” và “Cướp tài sản”.

1.2. Về hình phạt:

- Căn cứ: Các điểm e, n và q khoản 1 Điều 123; điểm e khoản 1 Điều 52; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 40 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thành D tử hình về tội “Giết người”.

-Căn cứ: Khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thành D 04 (B1) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

1.3. Căn cứ: Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Lê Thành D phải chấp hành hình phạt chung là tử hình.

1.4 Căn cứ: Khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021, tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Thành D để đảm bảo việc thi hành án.

1.5. Trong thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày Bản có hiệu lực pháp luật, bị cáo Lê Thành D được quyền gửi đơn đến Chủ tịch N để xin ân giảm án tử hình.

2. Án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thành D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Long An (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Công an tỉnh Long An (1);
- Sở tư pháp tỉnh Long An (1);
- Cục THADS tỉnh Long An (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Long An ;
- Bị cáo (1); Người bào chữa; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP, NVK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hoa